

**CÔNG TY CP XD HẠ TẦNG CII**  
156 Hoa Lan, P.02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:354/CIIEC-CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2021.

V/v: Giải trình các vấn đề tại báo cáo tài chính  
giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết  
thúc ngày 30/06/2021

**Kính gửi :** - **QUÝ CỔ ĐÔNG**  
- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

- Đơn vị công bố: **Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**
- Mã chứng khoán: **CEE**
- Trụ sở chính: 156 Hoa Lan, P.02, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Điện thoại: 028.35120632                      Fax: 028.35120633
- Đại diện công bố thông tin: **Ông Bùi Xuân Phước**
- Xin giải trình về các vấn đề tại báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021:

1. Về việc đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến nhận mạnh: *“Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện rằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty còn phải thu Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (Công ty VLXD SG) số tiền là 28.188.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty theo lịch trả nợ đã thống nhất giữa hai bên như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.”*

**Công ty có ý kiến giải trình như sau:** Khoản phải thu trên phát sinh trong giai đoạn Công ty TNHH VLXD SG là Công ty con của Công ty. Sau khi thực hiện thoái vốn đầu tư, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực thực hiện công tác đối chiếu, thu

hồi công nợ. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty đã thu hồi được 3,5 tỷ đồng, số phải thu trong tương lai là 28,2 đồng như đơn vị kiểm toán đã đề cập.

2. Về việc Tại báo cáo tài chính quý 2 và báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021, lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng đầu năm của Công ty tăng từ 5% trở lên, cụ thể:

	BCTC Riêng			BCTC Hợp nhất		
	Lũy kế tại BCTC Q2	Lũy kế tại BCTC SX 6T	%	Lũy kế tại BCTC Q2	Lũy kế tại BCTC SX 6T	%
Doanh thu thuần	255.136.709.760	258.685.001.043	1,39%	295.037.435.445	298.585.726.728	1,20%
Lợi nhuận sau thuế	404.456.068	545.089.757	34,77%	646.391.623	787.789.372	21,87%

Công ty có ý kiến giải trình lý do cho sự thay đổi trên là khi thực hiện soát xét báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận thêm doanh thu từ cung cấp dịch vụ dẫn đến biến động như đã thể hiện ở bảng trên.

3. Về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

	BCTC Riêng			BCTC Hợp nhất		
	01/01/2020 – 30/06/2020	01/01/2021 – 30/06/2021	%	01/01/2020 – 30/06/2020	01/01/2021 – 30/06/2021	%
Lợi nhuận trước thuế	7.356.474.404	1.024.913.781	-86 %	-9.243.209.662	2.056.991.600	-122%
Lợi nhuận sau thuế	17.562.185.133	545.089.757	-96%	643.216.956	787.789.372	22%

Công ty có ý kiến giải trình nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước đến từ việc thực thi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP, Công ty đã tiến hành hoàn nhập lại số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế tại giai đoạn 2020 có giá trị đột biến so với 2021.

Trên đây là giải trình những vấn đề tại báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2021. Công ty cam kết những thông tin nêu trên

là đúng sự thật và xin giải trình đến Quý cơ quan và Quý cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng.

**Nơi gửi:**

- Như trên
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



BÙI XUÂN PHƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 – 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thúc	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phùng Văn Hiền - Tổng Giám đốc Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



---

**Phùng Văn Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Số: 1318/2021/BCSX-ICPA.SG

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2021, từ trang 5 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện rằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty còn phải thu Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (Công ty VLXD SG) số tiền là 28.188.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty theo lịch trả nợ đã thống nhất giữa hai bên như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Lương Giang Thạch**

**Phó Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2178-2018-072-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.890.206.297.480</b>	<b>1.511.415.305.454</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.708.408.211</b>	<b>27.102.587.067</b>
1. Tiền	111	V.1	12.708.408.211	27.102.587.067
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.344.019.375.121</b>	<b>906.347.558.307</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	113.383.065.332	103.728.895.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	201.108.166.795	176.329.515.910
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	796.133.011.386	363.527.313.637
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	255.636.568.734	281.428.060.304
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.241.437.126)	(18.666.226.794)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>516.712.289.850</b>	<b>556.303.274.901</b>
1. Hàng tồn kho	141		516.712.289.850	556.303.274.901
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.766.224.298</b>	<b>21.661.885.179</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	6.052.087.191	5.517.891.987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.950.032.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.a	10.714.137.107	11.193.961.131

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>114.255.137.977</b>	<b>93.588.773.737</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.078.705.980</b>	<b>425.562.141</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	18.653.143.839	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	425.562.141	425.562.141
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.944.383.146</b>	<b>12.671.706.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	14.867.983.120	12.610.138.632
- Nguyên giá	222		40.819.622.699	36.927.910.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.951.639.579)	(24.317.772.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	76.400.026	61.568.026
- Nguyên giá	228		310.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(233.599.974)	(218.431.974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>4.997.156.733</b>	<b>4.997.156.733</b>
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12.a	75.000.000.000	75.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12.b	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12.b	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>234.892.118</b>	<b>494.348.205</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	234.892.118	494.348.205
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.004.461.435.457</b>	<b>1.605.004.079.191</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.554.884.260.643</b>	<b>1.154.757.649.722</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.340.668.445.643</b>	<b>921.097.574.122</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	70.073.096.634	79.261.104.667
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	221.783.279.156	246.302.298.655
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.b	2.747.375.359	2.268.775.278
4. Phải trả người lao động	314		1.401.589.598	1.215.507.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.670.539.338	11.823.983.894
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	267.773.731.416	259.071.350.899
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.a	775.218.834.142	321.154.553.448
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>214.215.815.000</b>	<b>233.660.075.600</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	214.215.815.000	233.660.075.600
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>449.577.174.814</b>	<b>450.246.429.469</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>449.577.174.814</b>	<b>450.246.429.469</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.535.080.922	7.667.692.056
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.460.461.171	66.997.104.692
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		64.915.371.414	49.649.327.380
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		545.089.757	17.347.777.312
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>2.004.461.435.457</b>	<b>1.605.004.079.191</b>



Nguyễn Thị Bích Thảo  
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>258.685.001.043</b>	<b>246.895.315.915</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>258.685.001.043</b>	<b>246.895.315.915</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	244.295.953.904	234.596.394.953
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>14.389.047.139</b>	<b>12.298.920.962</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.698.722.927	35.935.455.382
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	31.292.674.401	34.372.796.158
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.789.902.401	33.119.657.158
8. Chi phí bán hàng	25		19.200.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.674.887.299	6.214.833.903
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>1.101.008.366</b>	<b>7.646.746.283</b>
11. Thu nhập khác	31		4.818.182	6.731.744
12. Chi phí khác	32	VI.6	80.912.767	297.003.623
<b>13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(76.094.585)</b>	<b>(290.271.879)</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.024.913.781</b>	<b>7.356.474.404</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	479.824.024	(10.205.710.729)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>545.089.757</b>	<b>17.562.185.133</b>



**Nguyễn Thị Bích Thảo**  
Người lập biểu



**Bùi Xuân Phước**  
Kế toán trưởng



**Phùng Văn Hiến**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.024.913.781</b>	<b>7.356.474.404</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	1.714.035.330	1.484.803.909
Các khoản dự phòng	03	3.575.210.332	950.519.145
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.703.541.109)	(35.941.819.018)
Chi phí lãi vay	06	30.789.902.401	33.119.657.158
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>9.400.520.735</b>	<b>6.969.635.598</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(3.166.600.726)	(46.726.598.422)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	39.590.985.051	(82.078.473.023)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(43.130.940.933)	300.010.990.540
Tăng chi phí trả trước	12	(274.739.117)	(8.310.587.479)
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.846.539.077)	(33.353.775.241)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(282.530.613)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(138.000.000)	(135.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(21.565.314.067)</b>	<b>136.093.161.360</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.986.711.818)	(3.107.650.855)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(851.250.000.000)	(685.930.137.204)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	404.428.616.516	685.504.572.638
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.359.210.419	40.684.820.848
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(427.448.884.883)</b>	<b>37.151.605.427</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	686.696.100.488	447.449.334.343
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(252.076.080.394)	(613.471.627.491)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>434.620.020.094</b>	<b>(166.022.293.148)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(14.394.178.856)</b>	<b>7.222.473.639</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>27.102.587.067</b>	<b>79.499.531.006</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>12.708.408.211</b>	<b>86.722.004.645</b>



Nguyễn Thị Bích Thảo  
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày xx tháng 8 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 29 tháng 11 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ đồng, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 80%.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE. Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 87 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; kinh doanh bất động sản và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị và môi giới bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi với tỷ lệ sở hữu 100%. Hoạt động chính của công ty con là khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động.

Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí môi giới của các dự án kinh doanh bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi khách hàng ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư.

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết bên dưới*)

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng** (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	132.099.758	56.025.547
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.576.308.453	27.046.561.520
<b>Cộng</b>	<b>12.708.408.211</b>	<b>27.102.587.067</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>20.850.114.553</b>	<b>21.082.327.768</b>
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	11.277.528.515	13.402.852.636
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	6.261.023.857	5.232.839.857
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	1.231.281.866	66.354.960
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.019.582.875	1.019.582.875
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	585.001.250	885.001.250
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
<b>Đối tượng khác</b>	<b>92.532.950.779</b>	<b>82.646.567.482</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	38.564.619.640	37.811.724.478
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	13.395.976.141
Các khách hàng khác	40.572.354.998	31.438.866.863
<b>Cộng</b>	<b>113.383.065.332</b>	<b>103.728.895.250</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>32.481.224.122</b>	<b>31.819.390.907</b>
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	32.481.224.122	31.819.390.907
<b>Đối tượng khác</b>	<b>168.626.942.673</b>	<b>144.510.125.003</b>
Công Ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Công Huy	36.679.351.367	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	35.394.841.982	46.341.282.666
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	29.625.097.131	29.933.808.210
Các nhà cung cấp khác	66.927.652.193	58.235.034.127
<b>Cộng</b>	<b>201.108.166.795</b>	<b>176.329.515.910</b>

**4. Phải thu về cho vay**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Bên liên quan</b>	<b>686.994.790.259</b>	<b>231.878.860.569</b>
Công ty CII (i)	656.994.790.259	201.878.860.569
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Đối tượng khác</b>	<b>109.138.221.127</b>	<b>131.648.453.068</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (iii)	87.532.307.573	83.097.621.469
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (iv)	9.535.666.388	31.688.810.227
Các đối tượng khác	12.070.247.166	16.862.021.372
	<b>796.133.011.386</b>	<b>363.527.313.637</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG (iv)	18.653.143.839	-
<b>Cộng</b>	<b>814.786.155.225</b>	<b>363.527.313.637</b>

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016/HĐ-CII ngày 21 tháng 10 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 1.000 tỷ đồng và lãi suất là 10%/năm.

(ii) Khoản phải thu theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 111a/2020/HĐVV-CEE-NQN ngày 1 tháng 4 năm 2020 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh với tổng hạn mức 30 tỷ đồng và lãi suất là 9%/năm.

(iii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018, trong đó các bên thỏa thuận rằng Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên ("Lâm Viên") vay tiền bằng cách sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành ("Việt Thành") với lãi suất 10,5%/năm. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, khoản tiền Công ty Lâm Viên đã sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty là 87.398.609.955 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay** (tiếp theo)

(iv) Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐHTKD ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Lịch trả nợ đã được hai bên thống nhất như sau:

	30/06/2021
	VND
Trong vòng một năm	14.000.000.000
Trong năm thứ hai	14.000.000.000
Trong năm thứ ba	4.653.143.839
	<b>32.653.143.839</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(14.000.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>18.653.143.839</b>

**5. Phải thu khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng vốn thi công các công trình xây dựng	202.545.987.846	224.019.248.625
Các khoản tiền cầm cố, ký cược, ký quỹ	31.230.519.319	31.232.169.319
Phải thu về lãi tiền gửi và lãi cho vay	9.646.220.359	8.304.437.453
Phải thu về lợi nhuận được chia	7.597.089.471	9.036.817.973
Các khoản chi hộ	4.149.178.132	6.556.545.939
Các khoản phải thu khác	467.573.607	2.278.840.995
	<b>255.636.568.734</b>	<b>281.428.060.304</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ	425.562.141	425.562.141
	<b>425.562.141</b>	<b>425.562.141</b>
<b>Cộng</b>	<b>256.062.130.875</b>	<b>281.853.622.445</b>
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</b>		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	3.683.651.543	3.632.269.691
Công ty CII	1.113.125.934	2.089.071.489
<b>Cộng</b>	<b>4.796.777.477</b>	<b>5.721.341.180</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.423.675.895	416.405.100	(4.007.270.795)	3.035.658.895	-	(3.035.658.895)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.722.344.135	225.465.191	(1.496.878.944)	970.793.497	58.122.545	(912.670.952)
Phải thu ngắn hạn khác	30.691.990.436	13.954.703.049	(16.737.287.387)	30.691.990.436	15.974.093.489	(14.717.896.947)
<b>Cộng</b>	<b>36.838.010.466</b>	<b>14.596.573.340</b>	<b>(22.241.437.126)</b>	<b>34.698.442.828</b>	<b>16.032.216.034</b>	<b>(18.666.226.794)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	16.707.332.560	-	25.388.721.585	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.428.254.325	-	515.166.185.582	-
Hàng hóa	10.576.702.965	-	15.748.367.734	-
<b>Cộng</b>	<b>516.712.289.850</b>	<b>-</b>	<b>556.303.274.901</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Hoa hồng môi giới bất động sản	4.089.366.000	4.089.366.000
Phí bảo lãnh thi công các công trình xây dựng	1.865.236.551	704.518.913
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	45.490.886	42.692.265
Phí cam kết rút vốn	-	500.000.000
Chi phí khác chờ phân bổ	51.993.754	181.314.809
	<b>6.052.087.191</b>	<b>5.517.891.987</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thiết kế, sửa chữa văn phòng	115.481.515	156.239.697
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	64.660.603	178.550.744
Chi phí khác chờ phân bổ	54.750.000	159.557.764
	<b>234.892.118</b>	<b>494.348.205</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.286.979.309</b>	<b>6.012.240.192</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2021	25.114.504.458	11.017.106.423	796.300.000	36.927.910.881
Mua trong kỳ	3.279.363.637	513.239.090	164.109.091	3.956.711.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65.000.000)	(65.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>28.393.868.095</b>	<b>11.530.345.513</b>	<b>895.409.091</b>	<b>40.819.622.699</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2021	17.586.763.293	6.053.166.453	677.842.503	24.317.772.249
Khấu hao trong kỳ	993.349.626	669.517.502	36.000.202	1.698.867.330
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65.000.000)	(65.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>18.580.112.919</b>	<b>6.722.683.955</b>	<b>648.842.705</b>	<b>25.951.639.579</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2021	7.527.741.165	4.963.939.970	118.457.497	12.610.138.632
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>9.813.755.176</b>	<b>4.807.661.558</b>	<b>246.566.386</b>	<b>14.867.983.120</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 10.667.797.930 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 10.732.797.930 đồng).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá của các tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 8.157.152.192 đồng (xem thêm tại thuyết minh số V.18).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm vi tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021	280.000.000
Mua trong kỳ	30.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>310.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2021	218.431.974
Khấu hao trong kỳ	15.168.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>233.599.974</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	61.568.026
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>76.400.026</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 160.000.000 đồng.

**11. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 30/06/2021	5.836.987.368
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 30/06/2021	839.830.635
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021 và tại ngày 30/06/2021	4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*chi tiết xem tại thuyết minh số V.18*).

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và cùng vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2021				01/01/2021			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>								
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	100%	75.000.000.000	-	(i)	100%	75.000.000.000	-	(i)
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>								
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG	10%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)	10%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên chưa được xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Nam An	7.307.562.090	7.307.562.090	15.483.085.887	15.483.085.887
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827
Các đối tượng khác	50.595.760.717	50.595.760.717	51.608.244.953	51.608.244.953
<b>Cộng</b>	<b>70.073.096.634</b>	<b>70.073.096.634</b>	<b>79.261.104.667</b>	<b>79.261.104.667</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>205.828.231.107</b>	<b>230.131.250.606</b>
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	105.400.539.593	124.417.522.155
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	77.662.131.675	78.273.248.413
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	15.420.793.200	19.775.961.199
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	6.032.418.747	6.352.170.947
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	950.000.000	950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
<b>Đối tượng khác</b>	<b>15.955.048.049</b>	<b>16.171.048.049</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	15.273.508.523	15.489.508.523
Các khách hàng khác	681.539.526	681.539.526
<b>Cộng</b>	<b>221.783.279.156</b>	<b>246.302.298.655</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.698.298.140	479.824.024	-	10.218.474.116
Các khoản khác	495.662.991	-	-	495.662.991
<b>Cộng</b>	<b>11.193.961.131</b>	<b>479.824.024</b>	<b>-</b>	<b>10.714.137.107</b>
<b>b. Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	207.880.233	-	207.880.233
Thuế thu nhập cá nhân	2.268.775.278	760.496.632	489.776.784	2.539.495.126
Các khoản khác	-	7.202.767	7.202.767	-
<b>Cộng</b>	<b>2.268.775.278</b>	<b>975.579.632</b>	<b>496.979.551</b>	<b>2.747.375.359</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.670.539.338	1.872.674.181
Chi phí thi công công trình	-	9.951.309.713
<b>Cộng</b>	<b>1.670.539.338</b>	<b>11.823.983.894</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thu hộ tiền đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ (i)	232.311.953.751	226.754.640.000
Các khoản thu hộ khác	24.317.243.167	26.667.821.681
Phải trả chi phí sử dụng vốn phải trả	6.650.684.931	-
Phải trả các đội thi công	3.868.863.014	5.217.850.131
Các khoản phải trả khác	624.986.553	431.039.087
<b>Cộng</b>	<b>267.773.731.416</b>	<b>259.071.350.899</b>
<b>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</b>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	3.782.191.781	-
Công ty CII	2.868.493.150	-
<b>Cộng</b>	<b>6.650.684.931</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng mua các căn hộ thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm làm chủ đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>757.563.323.542</b>	<b>757.563.323.542</b>	<b>686.696.100.488</b>	<b>250.287.330.394</b>	<b>321.154.553.448</b>	<b>321.154.553.448</b>
Các khoản vay bên liên quan (i)	520.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV						
- Chi nhánh Vĩnh Long	214.563.323.542	214.563.323.542	166.696.100.488	200.287.330.394	248.154.553.448	248.154.553.448
Ngân hàng Vietinbank						
- Chi nhánh 11	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Ngân hàng HD Bank						
- Trung tâm Kinh doanh	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	17.655.510.600	17.655.510.600			-	-
<b>Cộng</b>	<b>775.218.834.142</b>	<b>775.218.834.142</b>	<b>686.696.100.488</b>	<b>250.287.330.394</b>	<b>321.154.553.448</b>	<b>321.154.553.448</b>
<b>(i) Chi tiết các khoản vay các bên liên quan:</b>						
Công ty CII	320.000.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>520.000.000.000</b>	<b>520.000.000.000</b>	<b>520.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>231.871.325.600</b>	<b>231.871.325.600</b>	-	<b>1.788.750.000</b>	<b>233.660.075.600</b>	<b>233.660.075.600</b>
Các khoản vay của các cá nhân	231.871.325.600	231.871.325.600	-	1.788.750.000	233.660.075.600	233.660.075.600
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(17.655.510.600)	(17.655.510.600)			-	-
<b>Cộng</b>	<b>214.215.815.000</b>	<b>214.215.815.000</b>		<b>1.788.750.000</b>	<b>233.660.075.600</b>	<b>233.660.075.600</b>
<b>Tổng cộng vay</b>	<b>989.434.649.142</b>	<b>989.434.649.142</b>			<b>554.814.629.048</b>	<b>554.814.629.048</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<b><u>Ngắn hạn</u></b>					
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	214.563.323.542	8 tháng	7% - 7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Xe Komatsu 50XA-5192; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 3.800.000 cổ phiếu NBB do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, biển số 50XA - 5192 - Xe tải tự do biển số 51D-643.09 - Xe tải tự do biển số 51D-645.87
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	23.000.000.000	12 tháng	9,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng Vietinbank với tổng mệnh giá là 23 tỷ đồng do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm và Công ty CII sở hữu.
Công ty CII	320.000.000.000	12 tháng	10,0%	Thi công Dự án đường Cao tốc Trung Lương- Mỹ Thuận	Vay tín chấp.
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	200.000.000.000	12 tháng	10,0%	Thi công Dự án đường Cao tốc Trung Lương- Mỹ Thuận	Vay tín chấp.
<b><u>Dài hạn</u></b>					
Các khoản vay của các cá nhân	231.871.325.600	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.655.510.600	-
Trong năm thứ hai	214.215.815.000	233.660.075.600
	<b>231.871.325.600</b>	<b>233.660.075.600</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(17.655.510.600)	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>214.215.815.000</b>	<b>233.660.075.600</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>7.667.692.056</b>	<b>49.649.327.380</b>	<b>432.898.652.157</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	17.562.185.133	17.562.185.133
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>7.667.692.056</b>	<b>67.211.512.513</b>	<b>450.460.837.290</b>
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(214.407.821)	(214.407.821)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>7.667.692.056</b>	<b>66.997.104.692</b>	<b>450.246.429.469</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>7.667.692.056</b>	<b>66.997.104.692</b>	<b>450.246.429.469</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	545.089.757	545.089.757
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.214.344.412)	(1.214.344.412)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	867.388.866	(867.388.866)	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>415.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>(39.818.367.279)</b>	<b>8.535.080.922</b>	<b>65.460.461.171</b>	<b>449.577.174.814</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.500.000 41.500.000	41.500.000 41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.000) (2.000.000)	(2.000.000) (2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.500.000 39.500.000	39.500.000 39.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021, Công ty không chia cổ tức, toàn bộ lợi nhuận của năm 2020 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	218.616.372.487	245.313.116.978
Doanh thu bán hàng	25.995.020.705	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.073.607.851	1.582.198.937
<b>Cộng</b>	<b>258.685.001.043</b>	<b>246.895.315.915</b>

**Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan:**

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương		
- Mỹ Thuận	154.099.757.235	202.971.500.259
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	30.986.528.639	8.055.836.562
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	14.588.465.256	958.168.861
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	13.052.333.339	10.741.731.963
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.207.440.000	14.002.566.793
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	636.363.637	636.363.637
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	8.583.312.540
<b>Cộng</b>	<b>214.570.888.106</b>	<b>245.949.480.615</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	215.430.664.208	233.441.499.627
Giá vốn hàng đã bán	26.365.508.363	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.499.781.333	1.154.895.326
<b>Cộng</b>	<b>244.295.953.904</b>	<b>234.596.394.953</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi trái phiếu	27.138.451.429	35.042.059.778
Cổ tức, lợi nhuận được chia	560.271.498	893.395.604
<b>Cộng</b>	<b>27.698.722.927</b>	<b>35.935.455.382</b>

**Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với bên liên quan:**

<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>560.271.498</b>	<b>893.395.604</b>
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	560.271.498	893.395.604

**Lãi tiền cho vay và lãi trái phiếu**

<b>Công ty CII</b>	<b>20.901.627.969</b>	<b>27.461.719.379</b>
Công ty CII	19.555.326.600	22.386.198.314
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.346.301.369	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	3.037.164.901
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	2.038.356.164
<b>Cộng</b>	<b>21.461.899.467</b>	<b>28.355.114.983</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	30.789.902.401	33.119.657.158
Phí cam kết rút vốn vay	500.000.000	1.250.000.000
Chi phí tài chính khác	2.772.000	3.139.000
<b>Cộng</b>	<b>31.292.674.401</b>	<b>34.372.796.158</b>

**Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với bên liên quan:**

<b>Công ty CII</b>	<b>7.063.835.615</b>	<b>7.660.054.794</b>
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	3.782.191.781	164.383.562
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	238.724.445
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	144.842.466
<b>Cộng</b>	<b>10.846.027.396</b>	<b>8.208.005.267</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.488.078.783	2.549.700.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.860.707	438.827.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	396.797.167	517.115.789
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.575.210.332	950.519.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.883.455.100	1.647.723.466
Chi phí bằng tiền khác	134.485.210	107.948.219
<b>Cộng</b>	<b>9.674.887.299</b>	<b>6.214.833.903</b>

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	39.702.767	297.003.623
Các khoản chi phí khác	41.210.000	-
<b>Cộng</b>	<b>80.912.767</b>	<b>297.003.623</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.024.913.781</b>	<b>7.356.474.404</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(560.271.498)	(893.395.604)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.934.477.839	1.389.585.266
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.399.120.122</b>	<b>7.852.664.066</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	479.824.024	1.570.532.813
Thuế TNDN năm trước điều chỉnh giảm	-	(11.776.243.542)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>479.824.024</b>	<b>(10.205.710.729)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	65.893.033.136	74.162.690.789
Chi phí nhân công	11.636.310.653	7.434.360.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.714.035.330	1.082.280.324
Chi phí dự phòng	3.575.210.332	950.519.145
Chi phí mua ngoài	170.240.767.885	149.710.855.947
Chi phí bằng tiền khác	930.683.867	7.470.521.862
<b>Cộng</b>	<b>253.990.041.203</b>	<b>240.811.228.856</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<b>Công ty CII</b>		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	848.250.000.000	1.363.462.700.000
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	72.384.481.269	399.176.409.430
Nhận tiền hỗ trợ vốn	639.500.000.000	859.300.000.000
<b>Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi</b>		
Chí phí thi công	12.791.385.944	10.542.769.430
Nhận thanh toán lợi nhuận được chia	2.000.000.000	1.181.381.250
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	200.000.000.000	100.000.000.000
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	60.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Ông Phùng Văn Hiền	518.915.352	453.175.933
Ông Phạm Tiến Đức	351.612.000	262.848.000
<b>Cộng</b>	<b>870.527.352</b>	<b>716.023.933</b>

**2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Số tiền vay thực nhận trong kỳ</b>		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo khế ước thông thường	166.696.100.488	409.323.306.945
Tiền vay các bên liên quan	520.000.000.000	38.126.027.398
<b>Cộng</b>	<b>686.696.100.488</b>	<b>447.449.334.343</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo khế ước thông thường	252.076.080.394	606.471.627.491
Tiền vay các bên liên quan	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>252.076.080.394</b>	<b>613.471.627.491</b>

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**5. Thông tin khác**

Đại dịch covid-19 đã và đang ngày càng diễn biến phức tạp, gây ra những biến động to lớn, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của dịch bệnh, đánh giá ảnh hưởng, xem xét các khoản dự phòng, tổn thất tài sản và công nợ tiềm tàng trên nguyên tắc thận trọng. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin đáng tin cậy nhất có được đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Nguyễn Thị Bích Thảo**  
Người lập biểu



**Bùi Xuân Phước**  
Kế toán trưởng



**Phùng Văn Hiền**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021